

Số: 36/2025/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 01 tháng 10 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về danh mục nghề, mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề và giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 49/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật thi hành án hình sự về tái hòa nhập cộng đồng;

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;

Căn cứ Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về đào tạo trình độ sơ cấp; Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về đào tạo thường xuyên; Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH Quy định về đào tạo trình độ sơ cấp, Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH Quy định về đào tạo thường xuyên, Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH Quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTBXH Quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; việc in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và Thông tư số

*31/2017/TT-BLĐTBXH Quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học;*

*Căn cứ Thông tư số 152/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng; Thông tư số 40/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 46/TTr-SGDĐT ngày 19 tháng 9 năm 2025;*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định về danh mục nghề, mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề và giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.*

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này Quy định về danh mục nghề, mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề và giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

### **2. Đối tượng áp dụng**

- a) Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh;
- b) Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;
- c) Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;
- d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

## **Điều 2. Danh mục nghề đào tạo, nguyên tắc và mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.**

### **1. Danh mục nghề đào tạo**

Danh mục nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

### **2. Nguyên tắc hỗ trợ**

- a) Mỗi người chỉ được hỗ trợ đào tạo một lần theo quy định tại Quyết định này. Riêng những người đã được hỗ trợ đào tạo nhưng bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, xác nhận để quyết định

tiếp tục hỗ trợ đào tạo để chuyển đổi việc làm theo chính sách quy định tại Quyết định này, nhưng tối đa không quá 03 lần.

b) Trường hợp mức chi phí đào tạo thực tế thấp hơn mức hỗ trợ chi phí đào tạo được quy định tại khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ bằng mức chi phí đào tạo thực tế. Người học đồng thời thuộc các đối tượng nêu tại khoản 3 Điều này chỉ được hưởng một mức hỗ trợ chi phí đào tạo cao nhất.

3. Mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

a) Người khuyết tật: 6.000.000 đồng/người/khóa học.

b) Người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: 4.000.000 đồng/người/khóa học.

c) Người dân tộc thiểu số, người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm: 3.000.000 đồng/người/khóa học.

d) Người thuộc hộ cận nghèo: 2.500.000 đồng/người/khóa học.

đ) Người chấp hành xong án phạt tù, người học là phụ nữ, lao động nông thôn không thuộc các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 3 Điều này: 2.000.000 đồng/người/khóa học.

### **Điều 3. Giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và dưới 3 tháng**

1. Giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh quy định cụ thể tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

2. Trường hợp có sự biến động làm thay đổi các yếu tố hình thành nên giá, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tổng hợp, thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025 và thay thế các Quyết định: Quyết định số 39/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh Quy định mức chi phí đào tạo và mức hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng; Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 01/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang Quy định danh mục nghề và mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Bắc

Giang; Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang Quy định giá dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 17/10/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh Quy định hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người có đất thu hồi trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực VI; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như khoản 2 Điều 4;
- Các Bộ: Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý vi phạm hành chính-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; HĐND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh Bắc Ninh và các đoàn thể chính trị-xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
- + LĐVP, các phòng, đơn vị;
- + Trung tâm thông tin: 01 bản giấy, bản điện tử;
- + Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Xuân Lợi**